

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 366/CV-TST

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2022

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động
lợi nhuận báo cáo soát xét 6 tháng đầu
năm 2022 so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty: CTY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q1, TP.HCM

Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty cổ phần Thuốc sắt trùng Việt Nam;

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty thay đổi hơn 10% so với Báo cáo cùng kỳ năm trước, như sau:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1.	Doanh thu	224.093.562.523	245.627.559.628	(21.533.997.105)	-8,8%
2.	Giảm trừ	11.131.665.574	11.462.307.562	(330.641.988)	-2,9%
3.	Doanh thu thuần	212.961.896.949	234.165.252.066	(21.203.355.117)	-9,1%
4.	Giá vốn	156.450.384.250	167.399.716.505	(10.949.332.255)	-6,5%
5.	Lãi gộp	56.511.512.699	66.765.535.561	(10.254.022.862)	-15,4%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	4.823.276.041	2.933.860.590	1.889.415.451	64,4%
7.	Chi phí tài chính	4.907.546.558	7.909.362.864	(3.001.816.306)	-38,0%
8.	Chi phí bán hàng	27.594.836.189	34.513.733.940	(6.918.897.751)	-20,0%
9.	Chi phí quản lý	21.160.900.038	20.590.778.633	570.121.405	2,8%



Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
10.	LN thuần từ HĐKD	7.671.505.955	6.685.520.714	985.985.241	14,7%
11.	Thu nhập khác	320.104.009	545.516.175	(225.412.166)	-41,3%
12.	Chi phí khác	69.815.764	36.574.622	33.241.142	90,9%
13.	LN khác	250.288.245	508.941.553	(258.653.308)	-50,8%
14.	Tổng LN kế toán trước thuế	7.921.794.200	7.194.462.267	727.331.933	10,1%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.332.077.741	1.652.129.789	(320.052.048)	-19,4%
16.	Tổng LN sau thuế	6.589.716.459	5.542.332.478	1.047.383.981	18,9%

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
1.	Doanh thu	239.037.114.218	259.052.798.847	(20.015.684.629)	-7,7%
2.	Giảm trừ	11.131.665.574	11.462.307.562	(330.641.988)	-2,9%
3.	Doanh thu thuần	227.905.448.644	247.590.491.285	(19.685.042.641)	-8,0%
4.	Giá vốn	167.835.289.726	175.892.677.393	(8.057.387.667)	-4,6%
5.	Lãi gộp	60.070.158.918	71.697.813.892	(11.627.654.974)	-16,2%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.689.387.090	1.538.665.848	150.721.242	9,8%
7.	Chi phí tài chính	4.190.182.657	5.188.557.929	(998.375.272)	-19,2%
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(867.038.935)	(2.720.626.574)	1.853.587.639	-68,1%
9.	Chi phí bán hàng	28.327.151.676	35.267.071.752	(6.939.920.076)	-19,7%
10.	Chi phí quản lý	23.463.611.843	22.951.000.534	512.611.309	2,2%
11.	LN thuần từ HĐKD	4.911.560.897	7.109.222.951	(2.197.662.054)	-30,9%
12.	Thu nhập khác	322.722.795	545.516.175	(222.793.380)	-40,8%
13.	Chi phí khác	73.315.762	94.450.669	(21.134.907)	-22,4%
14.	LN khác	249.407.033	451.065.506	(201.658.473)	-44,7%
15.	Tổng LN kế toán trước thuế	5.160.967.930	7.560.288.457	(2.399.320.527)	-31,7%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	165.979.845	445.826.667	(279.846.822)	-62,8%
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.501.260.441	2.196.339.296	(695.078.855)	-31,6%



Stt	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	
				Giá trị	%
18.	Tổng LN sau thuế	3.493.727.644	4.918.122.494	(1.424.394.850)	-29,0%

+ Kết quả báo cáo riêng, trong 6 tháng đầu năm 2022, thị trường tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật gặp khó khăn do giá phân bón tăng cao ảnh hưởng đến khả năng đầu tư của người nông dân, vì vậy để đảm bảo thị phần cũng như doanh số, công ty đã tăng cường một số chính sách bán hàng, điều này làm giảm tỷ lệ lợi nhuận gộp khoản 3,18% so với cùng kỳ. Ngoài ra việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên doanh (Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries) mặc dù thấp hơn cùng kỳ nhưng cũng làm cho chi phí tài chính cao hơn. Tuy nhiên trong kỳ doanh thu tài chính tăng cao so với cùng kỳ do ghi nhận khoản phân phối lợi nhuận năm 2021 từ công ty con và công ty liên kết với khoản lợi nhuận ghi nhận là 3.674.743.583 đồng điều này giúp cho kết quả kinh doanh trên báo cáo riêng tăng hơn so với cùng kỳ.

+ Kết quả báo cáo hợp nhất, trong kỳ ảnh hưởng của việc đẩy mạnh các chính sách bán hàng làm cho tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm 3,5% so với cùng kỳ. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh (Công ty TNHH Mosfly Việt Nam Industries) ghi nhận 867.038.935 đồng, những chỉ tiêu chủ yếu này ảnh hưởng đến lợi nhuận hợp nhất báo cáo 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ. Chúng tôi tiếp thu ý kiến về vấn đề nhấn mạnh trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của Công ty kiểm toán, sẽ có hướng khắc phục tích cực trong thời gian tới.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng lợi nhuận trên báo cáo riêng cũng như hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022, Công ty xin thông báo đến quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Thân